TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN **DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và Trịnh Ngọc Thành
Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-DS ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm 1955 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã X, huyện Tân Phú, Đồng Nai
- Bị đơn: Trần Thị Kim L– sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 3 (ấp 6 cũ), xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
Người có quyền lợi, nghĩa vụ Lquan:
1. Hoàng Đình B, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 97/3 L, phường 13, thành Phố V, tỉnh B
2. Trần Thị Ngọc Ph, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 3 (ấp 6 cũ), xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
(Anh B, bà Ph vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của bà Phạm Thị H thể hiện như:*

Vào ngày 27/01/2015, bà H đồng ý cho chị Trần Thị Kim L vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), cùng ngày bà H giao trước cho chị L30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và chị Lđứng ra nhận trả số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của bà Ph (mẹ chị Liên) còn nợ bà H trước đây nên khi viết "Hợp đồng vay mượn tiền thế chấp" ngày 27/01/2015 thì hai bên thống nhất ghi nội dung:

"...Hôm nay ngày 27-01/2015 tôi có vay của bà Phạm Thị H 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng chẵn) bà Phạm Thị H hôm nay có đưa trước 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng chẵn) còn lại 70.000.000đ(bảy mươi triệu đồng) sẽ đưa sau vào ngày 31/01/2015 và tôi có thế chấp lại cho bà Phạm Thị H một thửa đất ngang 10m x 25m cùng một căn nhà cấp 4 ngang 5m x 20m nằm trong thửa đất trên và hẹn trong vòng 3 năm sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho bà Phạm Thị H nếu sai hợp đồng tôi xin chịu trách nhiệm để cho bà Phạm Thị H thu hồi căn nhà trên và được quyền chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và đất trên sang tên cho bà Phạm Thị H.

Đã nhận đủ 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng chẵn)..."

Hợp đồng vay mượn tiền thế chấp có chữ ký của người vay là chị Trần Thị Kim Liên, anh Hoàng Đình B (chồng chị Liên) và bà Trần Thị Ngọc Ph mẹ của chị Liên. Tại thời điểm ký kết hợp đồng chị Lthế chấp nhà và đất nhưng thực tế nhà và đất của bà Ph chưa có kê khai đăng ký nên bà H không có giữ giấy tờ gì Lquan dến tài sản thế chấp. Trong hợp đồng không ghi mức lãi suất nhưng thỏa thuận miệng nếu vi phạm sẽ phải trả là 02%/tháng

Ngày 31/01/2015, bà H đến nhà chị L để giao tiếp số tiền 70.000.000đ nhưng chị Lkhông có nhà nên không giao được số tiền này. Qua hỏi thăm bà H mới biết gia đình chị Lđã bỏ đi khỏi địa phương và không đi đâu ở địa chỉ nào thì bà H không biết. Bà H chờ hết thời hạn 03 năm mới khiếu nại đến Ủy ban nhân xã Phú Lập yêu cầu giải quyết, Ủy ban nhân dân xã có gửi giấy mời nhưng chị Lkhông đến.

Đầu năm 2020, bà H biết tin gia đình chị Ltrở về địa phương nên ngày 02/4/2020, bà H đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phú yêu cầu giải quyết buộc chị Liên, anh B có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc 130.000.000đ và tiền lãi 2% tính từ ngày 31/01/2015 đến 31/4/2020 là 163.800.000đ, tổng cộng nợ gốc và lãi là 293.800.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng). Bà H thừa nhận mới giao cho chị L30.000.000đ nhưng chị Ltự nguyện nợ thay cho bà Ph 100.000.000đ có sự đồng ý của bà Ph. Vì vậy bà H mới khởi kiện yêu cầu chị Lvà anh B phải Lđới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa bà H rút yêu cầu đối với người Lquan là anh B mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lphải có trách nhiệm trả số tiền nợ 130.000.000đ và tiền lãi 163.800.000đ. tổng cộng là 293.800.000đ.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2020, biên bản ghi lời khai ngày 21/4/2022 của bị đơn chị Trần Thị Kim Lthể hiện:

Vào ngày 27/01/2015, bà H có đến nhà chị Lnhưng không gặp được bà Ph mà chỉ gặp chị Lvà anh B. Bà H có đưa cho chị L30.000.000đ và chị Lđã ký vào "Hợp đồng vay mượn tiền thế chấp" với nội dung như bà H đã trình bày nêu trên.

Tại phiên tòa chị Ltrình bày hợp đồng này do anh B viết trước đó có sự thảo thuận giữa bà H, bà Ph và chị Lnên sau khi bà H đến giao tiền thì mẹ chị không có nhà và chị nhận 30.000.000đ và chị Lđã ký tên xác nhận người vay. Chị cho biết thời điểm đó do bà Ph tổ chức chơi hụi, bị bể hụi nên số tiền này chị Lvay để thanh toán các khoản nợ hụi của bà Ph mà không Lquan đến anh B vì vậy trong quá trình giải quyết chị không chấp nhận bà H khởi kiện anh B. Tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu anh B trả nợ thì chị Lđồng ý trả bà H tổng số tiền 130.000.000đ chị đã ghi nhận nợ trong hợp đồng vay mượn tiền thế chấp đã ký ngày 27/01/2015. Đối với số tiền 70.000.000đ bà H chưa giao là do lỗi của chị Lnên chị Lkhông có ý kiến yêu

cầu gì. Riêng khoản tiền lãi bà H yêu cầu thì chị Lxin được giảm bớt để tạo điều kiện cho chị Ltrả nợ.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2021 của người có quyền lợi nghĩa vụ Lquan anh Hoàng Đình B thể hiện:

Anh B là chồng chị Liên, anh B thừa nhận có ký xác nhận vào giấy vay tiền nhưng chỉ ký là người làm chứng. Anh B xác định không có vay nợ gì đối với bà H. Bà H khởi kiện thì Tòa án cứ giải quyết tranh chấp giữa bà H và chị Lvì hiện tại anh B và chị Lđã ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa. Do công việc và ở xa nên anh xin được vắng mặt tại Tòa án.

Tại biên bản lấy khai ngày 21/7/2022 và ngày 03/8/2022 của người có quyền lợi nghĩa vụ Lquan bà Trần Thị Ngọc Ph thể hiện:

Bà Ph là mẹ của chị Trần Thị Kim Liên, do trước đây bà sông chung với một đàn ông nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi mang bầu và sinh chị Lthì người đàn ông này cũng bỏ đi, vì vậy chị Lđược khai sinh theo họ mẹ và sống với bà Ph từ đó tới nay.

Bà Ph cho biết khoảng năm 2013-2014, bà Ph có vay của bà H 50.000.000đ, giấy tờ vay đều do bà H giữ. Trong thời gian này bà Ph tổ chức các dây chơi hụi và bà H có tham gia chơi hụi. Do việc tổ chức chơi hụi bị bể nên bà Ph thường vắng nhà và bà H đã nhiều lần đến nhà đòi nợ. Ngày 27/01/2015, bà H có đến đòi nợ nhưng bà Ph không có nhà mà chỉ gặp được chị Liên. Chị Lvay thêm của bà H bao nhiêu thì bà Ph không biết nhưng sau này Lcó nói lại việc bà H tính toán các khoản nợ tôi phải trả là 100.000.000đ và Lđã nhận trả nợ thay tôi số tiền này. Nay bà Ph không đồng ý cho chị Ltrả thay số tiền 100.000.000đ này. Bà thừa nhận chữ ký trong "Hợp đồng vay mượn thế chấp" là chữ ký của bà Ph và bà cũng không nhớ ký vào thời điểm nào.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Phú phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án:

Bà H yêu cầu chị Lvà anh B trả số tiền 130.000.000đ theo "Hợp đồng vay mượn thế chấp" ngày 27/01/2015. Tại phiên Tòa bà H không yêu cầu anh B phải Lđới trả nợ mà chỉ yêu cầu chị Ltrả số tiền này. Theo lời trình bày của bà H và chị Ltại phiên tòa thì hoàn toàn phù hợp với chứng cứ mà bà H cung cấp và lời trình bày của anh B. Việc bà H chỉ giao 30.000.000đ nhưng chị Lghi nhận 130.000.000đ (có 100.000.000đ bà Ph nợ bà H) có sự đồng ý của bà Ph. Chị Lvay nhằm mục đích trả tiền nợ hụi cho bà Ph, tuy nhiên sau đó 03 ngày bà H giao tiếp 70.000.000đ thì gia đình bà Ph đã bỏ đi khỏi địa phương. Việc bà H yêu cầu chị Lphải trả số tiền 130.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 22/04/2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với chị Trần Thị Kim Liên, địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Bà H khởi kiện yêu cầu chị Lvà anh B phải trả số tiền vay 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo "Hợp đồng vay mượn thế chấp" ngày 27/01/2015 hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 03 năm, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xác định tư cách đương sự: Bà H khởi kiện yêu đối với chị Liên. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn, chị Llà bị đơn trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết có Lquan đến anh B, bà Ph, vì vậy căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh B, bà Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ Lquan.

[5] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ Lquan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung tranh chấp trong vụ án:

Ngày 22/04/2020, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Kim Lvà anh Hoàng Đình B phải có nghĩa vụ Lđới trả cho bà H số tiền 130.000.000đ và tiền lãi 2% tính từ ngày 31/01/2015 đến 31/4/2020 là 163.800.000đ; tổng cộng là 293.800.000đ. Bà H cho biết trước khi viết "Hợp đồng vay mượn thế chấp" ngày 27/01/2015 thì giữa bà H, bà Ph và chị Lđã thỏa thuận thống nhất việc bà H đồng ý cho chị Lvay 100.000.000đ và ghi trả nợ thay cho bà Ph 100.000.000đ có sự đồng ý của bà Ph. Tuy nhiên thời điểm đó bà H chỉ có 30.000.000đ đưa cho chị Lvà hẹn đến ngày 31/01/2015 giao tiếp số tiền 70.000.000đ thì gia đình bà Ph đã bỏ đi khỏi địa phương do bể hụi. Như vậy lời trình bày của bà H có cơ sở vì bà Ph thừa nhận chữ ký trong "Hợp đồng vay mượn thế chấp" là của bà Ph. Chị Lthừa nhận thời điểm đầu năm 2015 mẹ chị Lcó tổ chức hụi nhưng bị bể hụi, bà H đến đòi nợ nên giữa chị liên, bà H và mẹ chị có trao đổi và thống nhất việc chị Lsẽ chịu trách nhiệm trả thay số tiền 100.000.000đ cho bà Ph và bà H cho vay thêm 100.000.000đ nhằm mục đích trả các khoản nợ hụi cho bà Ph. Lời trình bày của chị Lphù hợp với lời trình trình bày của anh B. Tại phiên tòa bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với anh B mà chỉ yêu cầu chị Lphải trả số tiền 130.000.000đ và tiền lãi 2% tính từ ngày 31/01/2015 đến 31/4/2020 là 163.800.000đ. Bà H cho rằng chị Ltự nguyện và có sự đồng ý của bà Ph, hiện tại toàn bộ nhà và đất bà Ph đã chuyển cho vợ chồng chị Lđứng tên nên chị Lphải có trách nhiệm số nợ này. Yêu cầu của bà H tại phiên tòa được chị Lchấp nhận, chị Ltự nguyện đồng ý trả cho bà H số tiền 130.000.000đ đã ghi nhận vay nợ tại "Hợp đồng vay mượn thế chấp" ngày 27/01/2015. Chị Lchấp nhận trả lãi nhưng chị yêu cầu bà

H giảm bớt tiền lãi để chị có điều kiện trả nợ. Đối với số tiền 70.000.000đ bà H chưa giao thì chị Lthì chị Lkhông có ý kiến yêu cầu gì.

Mặc dù bà Ph và anh B vắng mặt nhưng sự tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh B và sự tự nguyện của bị đơn về việc trả nợ thay cho bà Ph hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các bên tại phiên tòa là có cơ sơ chấp nhận. Chị Lphải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 130.000.000đ.

Về yêu cầu trả lãi: Theo thỏa thuận thì hợp đồng có thời hạn vay là 03 năm mà không có thỏa thuận lãi suất. Bà H yêu cầu mức lãi suất 02% kể từ ngày vay 27/01/2015 đến ngày 31/4/2020 là 63 tháng 26 ngày với số tiền 163.800.000đ tổng cộng gốc và lãi là 293.800.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Chị Lsẽ phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm hết hạn hợp đồng ngày 27/01/2018 cho đến ngày xét xử được tính cụ thể như sau: 130.000.000đ x 20%/năm x (04 năm, 07 tháng, 26 ngày) = 119.116.000đ (một trăn mười chín triệu một trăm mười sáu ngàn đồng). Chị Lphải có trách trả cho bà H số tiền lãi là 119.116.000đ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét thấy:

- Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với anh Hoàng Đình B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu trả số tiền gốc, lãi là 249.116.000đ đối với bị đơn chị Trần Thị Kim L.

Buộc chị Lphải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 249.116.000đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu thanh toán số tiền 44.684.000đ đối với bị đơn chị Trần Thị Kim L:

[3].Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 267 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 , Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với anh Hoàng Đình B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu thanh toán số tiền 249.116.000đ đối với bị đơn chị Trần Thị Kim L.

Buộc chị Lphải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 249.116.000đ.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc yêu cầu thanh toán số tiền 44.684.000đ đối với bị đơn chị Trần Thị Kim L:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Chị Lphải chịu 12.455.800đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bà H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễm nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên bà H được miễn nộp tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ Lquan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi